

## HOSE 17/07/2014

VNINDEX	590.37	0.69	0.12%
KLGD	96,550,889	CP	
GTGD	1,441.59	Tỷ	
GTR NDTNN	71.70	Tỷ	

CP Tăng giá	97	CP
CP Giảm giá	102	CP
CP Đứng giá	105	CP



## HNX 17/7/2014

HNXINDEX	80.85	0.69	0.86%
KLGD	41,090,084	CP	
GTGD	541.04	Tỷ	
GTR NDTNN	10.58	Tỷ	

CP Tăng giá	101	CP
CP Giảm giá	87	CP
CP Đứng giá	191	CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	636.30	-0.83	-0.13%
HNX30	164.81	1.48	0.90%

## Tâm điểm

- ▶ **Tăng điểm nhẹ với sự sụt giảm của thanh khoản**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm khá mạnh phiên hôm nay**  
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,000 tỷ đồng
- ▶ **S&P duy trì triển vọng tín nhiệm của các ngân hàng Việt Nam**  
Tuy nhiên, S&P dự báo nợ xấu có thể làm giảm lợi nhuận ngân hàng Việt Nam  
DVO/ The Star
- ▶ **Hơn 70% các TCTD dự báo mặt bằng lãi suất giảm**  
90% TCTD kỳ vọng, nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay tiếp tục tăng trưởng  
BizLive
- ▶ **Xuất khẩu tăng thúc đẩy thặng dư thương mại Eurozone**  
Thặng dư thương mại tháng 5 của khu vực đồng euro đã tăng lên 15.4 tỷ euro  
DVO/ Market Watch
- ▶ **ABT: 6 tháng lãi ròng đạt 58% kế hoạch, EPS 3,745 đồng/cp**  
6 tháng đầu năm 2014, LNST của ABT đạt mức 43 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ  
Trí Thức Trẻ/HSX
- ▶ **VC2: 6 tháng lãi sau thuế hơn 16.5 tỷ đồng, gấp 5 lần cùng kỳ**  
Riêng quý 2, VC2 đạt hơn 7 tỷ đồng lãi sau thuế, gấp 2.62 lần cùng kỳ năm 2013  
Người Đồng Hành

## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,047,914	14.2	3.2	21.0%	11.1%
HNX	129,659	17.2	1.6	7.7%	4.1%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,177,573</b>	<b>16.1</b>	<b>3.0</b>	<b>19.8%</b>	<b>10.4%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,902	5.7	0.8	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,549	7.0	1.5	20.9%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	39,238	21.2	2.3	18.5%	7.9%
Khai khoáng	11,944	51.1	4.8	2.2%	1.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,631	19.2	1.4	11.4%	8.1%
Xây dựng	30,101	52.2	1.1	-4.1%	1.5%
Máy công nghiệp	8,528	6.6	1.4	21.4%	14.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,343	14.1	1.5	15.2%	11.5%
Lốp xe	8,117	9.8	2.7	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,764	9.7	1.3	14.5%	6.5%
Thực phẩm	201,988	23.1	4.8	21.9%	17.0%
Dược phẩm	15,968	12.4	3.1	25.8%	16.7%
Phần mềm	17,450	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,411	5.4	1.2	-4.8%	3.8%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	213,057	17.9	5.7	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,716	23.3	2.3	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	26,032	14.1	1.4	8.3%	6.2%
Ngân hàng	245,179	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	139,129	11.9	2.6	27.7%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	40,177	10.5	2.0	20.4%	8.3%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**S&P duy trì triển vọng tín nhiệm của các ngân hàng Việt Nam**

**Hơn 70% các TCTD dự báo mặt bằng lãi suất giảm**

**Xuất khẩu tăng thúc đẩy thặng dư thương mại Eurozone**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**ABT: 6 tháng lãi ròng đạt 58% kế hoạch, EPS 3,745 đồng/cp**

**VC2: 6 tháng lãi sau thuế hơn 16.5 tỷ đồng, gấp 5 lần cùng kỳ**

**VHG: Quý 2 lãi ròng 24.45 tỷ đồng, giảm 62% so với cùng kỳ**

## ► Tin kinh tế

S&P duy trì triển vọng tín nhiệm của các ngân hàng Việt Nam. Tuy nhiên, Standard & Poor's (S&P) dự báo nợ xấu có thể làm giảm lợi nhuận ngân hàng Việt Nam trong 12-18 tháng tới. Standard & Poor's cho rằng, các ngân hàng Việt Nam đối mặt với rủi ro về chất lượng tài sản ngày càng cao khi các doanh nghiệp khó lòng trả nợ ngân hàng trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng chậm lại. Theo S&P, nợ xấu gia tăng có thể ảnh hưởng đáng kể đến sự ổn định trong lĩnh vực ngân hàng của Việt Nam.

Theo khảo sát của Vụ Thống kê (NHNN) về hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD) trong quý 3 năm 2014, so với cuối năm 2013, trên 70% TCTD dự báo lãi suất huy động và cho vay bằng VND giảm 1.24%/năm và 1.43%/năm; 90% TCTD kỳ vọng, nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay tiếp tục tăng trưởng dương, bình quân toàn hệ thống tăng từ 3.4-3.6% trong quý 3/2014 và 14.2% trong năm 2014. Bên cạnh đó, 68-71% TCTD kỳ vọng sẽ cải thiện tình hình nhưng 5.3% TCTD cho rằng tình hình sẽ suy giảm. Trên 70% DN nhận định rủi ro của các nhóm khách hàng hiện đang ở mức "bình thường" và không biến động nhiều trong tương lai gần. 90% TCTD thừa nhận thanh khoản ổn định và 80% cho rằng tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng của đơn vị đang được ổn định hoặc cải thiện.

Theo số liệu của Cục Thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat), thặng dư thương mại tháng 5 của khu vực đồng euro đã tăng lên 15.4 tỷ euro (20.9 tỷ USD) so với 14.6 tỷ euro trong cùng kỳ năm ngoái nhờ xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt tăng 0.6% và 0.5%. Xuất khẩu tăng là một tín hiệu tích cực đối với kinh tế khu vực đồng euro. Trong bối cảnh tỷ lệ thất nghiệp cao, tăng trưởng lương chậm và chính sách "thắt lưng buộc bụng" của chính phủ khiến nhu cầu nội địa suy yếu, nhiều doanh nghiệp đã phải tìm cơ hội mới từ nước ngoài. Điều bất ngờ là thặng dư thương mại của khu vực vẫn tăng bất chấp hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu với Nga - đối tác thương mại lớn của khối 18 nước thành viên - giảm mạnh một phần do các lệnh trừng phạt.

## ► Tin doanh nghiệp

CTCP XNK Thủy sản Bến Tre (HOSE: ABT) báo lãi quý 2/2014 ở mức 20.55 tỷ đồng, tăng 17% so cùng kỳ. Tuy nhiên, nếu so với 2 quý liền kề trước đó thì con số này lại giảm 9%. Sở dĩ lợi nhuận tăng trong khi doanh thu giảm gần 13% khi ở mức 123 tỷ đồng là nhờ hoạt động tài chính mang về 3.56 tỷ đồng lợi nhuận từ lãi tiền gửi, lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn dài hạn; chi phí bán hàng giảm mạnh 30%, chi phí quản lý giảm 9%. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần ở mức 218 tỷ đồng, giảm 23% so cùng kỳ. Nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng 37%, đạt mức 43 tỷ đồng và đạt 58% kế hoạch năm (73.9 tỷ đồng). EPS ở mức 3,745 đồng/cp

CTCP Xây dựng số 2 (HNX: VC2) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 2/2014, với doanh thu thuần đạt 94.33 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ. Kỳ này, giá vốn hàng bán của VC2 cũng chỉ đạt hơn 73 tỷ đồng, giảm tới 43% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp quý 2/2014 của công ty đạt gần 20.7 tỷ đồng, giảm nhẹ 3.6% so với quý 2/2013. Quý 2/2014, chi phí tài chính của VC2 chỉ đạt hơn 492 triệu đồng, giảm mạnh 93.4% so với cùng kỳ năm 2013. Kết quả, VC2 đạt hơn 7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, gấp 2.62 lần cùng kỳ năm 2013. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần của VC2 đạt 228.5 tỷ đồng, tăng nhẹ so với mức 225 tỷ đồng của 6 tháng đầu năm 2013. Công ty ghi nhận mức lãi hơn 16.5 tỷ đồng ở 6 tháng đầu năm 2014, gấp 5 lần cùng kỳ. Trong đó, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ là 16.62 tỷ đồng.

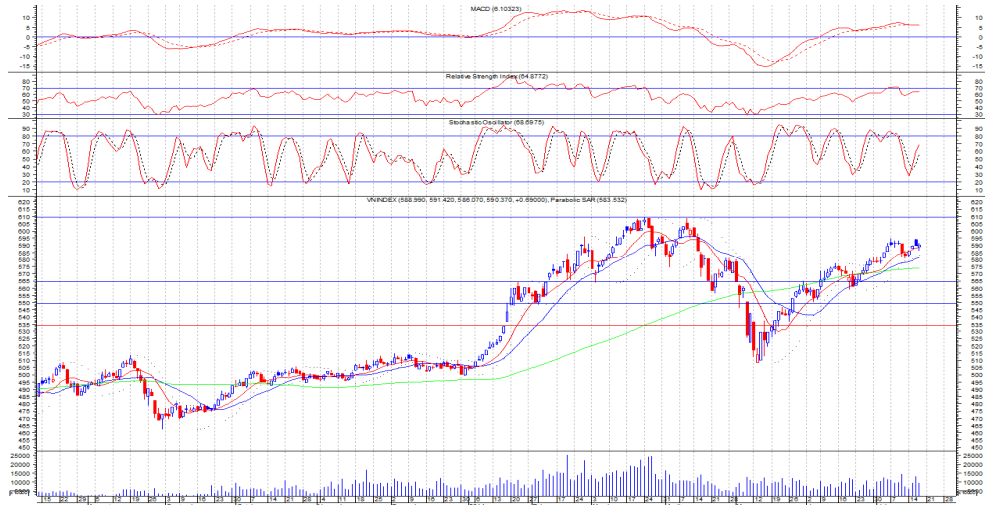
CTCP Đầu tư và Sản xuất Việt - Hàn (HOSE: VHG) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 2 năm 2014. Theo đó, doanh thu thuần quý 2 của VHG đạt 106.66 tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ 2013. Biên lãi gộp vẫn ở mức cao đạt 18% trong khi cùng kỳ 2013 đạt 11% (lãi gộp đạt 19.6 tỷ đồng so với 7.34 tỷ đồng cùng kỳ). Trong kỳ doanh thu tài chính đạt 8.8 tỷ đồng chỉ bằng 27.16% khoản thu từ hoạt động này cùng kỳ năm trước cộng thêm sự sụt giảm khoản lãi từ hoạt động khác nên quý 2 VHG lãi ròng 24.45 tỷ đồng giảm 62% so với cùng kỳ, EPS đạt 647 đồng/cổ phiếu.

**HOSE** 17/07/2014 VNINDEX 590.37 0.69 0.12% 96,550,889 CP 1,441.59 bil VND

### Tăng điểm nhẹ với sự sụt giảm của thanh khoản

VN-Index tăng 0.69 điểm (+0.12%), đóng cửa tại mức 590.37 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, tăng điểm nhẹ.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán vẫn tiếp tục đi ngang. Đây là một yếu tố khá tiêu cực.
- Stochastic Oscillator vẫn tiếp tục gia tăng mạnh.
- MA10, MA20 gia tăng và trở thành ngưỡng hỗ trợ khá tốt cho chỉ số nếu VN-Index điều chỉnh.
- RSI (14) đi ngang ở mức 64. Điều này cho thấy sức mạnh của thị trường đang gia tăng.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.8 (-5.8%)	16,886,830
HQC	-0.1 (-1.2%)	8,160,690
VHG	0.2 (1.9%)	4,215,420
ITA	0.1 (1.2%)	3,617,080
TDC	0.6 (5.7%)	3,118,030

### HOSE Top 5 theo % tăng

MWG	6.5 (7.0%)	95,120
CMV	0.9 (6.7%)	10
ASM	0.7 (6.6%)	1,896,870
COM	2 (6.5%)	50
STT	0.2 (5.7%)	6,530

### HOSE Top 5 theo % giảm

FLC	-0.8 (-5.8%)	16,886,830
EMC	-0.3 (-5.7%)	230
DTA	-0.2 (-5.3%)	120
ALP	-0.2 (-4.8%)	5,250
LM8	-0.9 (-4.8%)	2,510

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HPG	12,0 tỷ	207,630
PPC	9,8 tỷ	430,880
KDH	8,5 tỷ	516,722
MWG	8,4 tỷ	84,660
DRC	8,3 tỷ	153,500

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-3,6 tỷ	140,950
EIB	-1,8 tỷ	135,860
VSH	-1,5 tỷ	100,300
VIC	-1,5 tỷ	20,740
DXG	-0,7 tỷ	49,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,166,482	71.70

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch khá giằng co ở phiên sáng, áp lực chốt khá lớn. Đầu phiên chiều có thời điểm VN-Index điều chỉnh mạnh, tuy nhiên lực cầu trở lại đã giúp VN-Index xanh điểm.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 94 triệu đơn vị. Đây là mức thanh khoản khá, nó cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang ổn định.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 71 tỷ trong phiên hôm nay. Khối này mua ròng trở lại sau giai đoạn bán ròng vừa rồi, điều này sẽ hỗ trợ tốt cho TT trong giai đoạn tới.
- ▶ VN-Index tiếp tục gia tăng tới vùng đỉnh cũ 600 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng VN-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- ▶ NĐT có thể gia tăng lượng hàng có sẵn, xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì. Với nhiều mã đã tăng trưởng tốt, NĐT có thể xem xét chốt lời.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	110.0	208,450.00	18.4	5.8	33.4%	22.6%
VNM	833.4	129.0	107,512.96	16.8	5.7	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	25.9	69,024.03	15.8	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	92.0	67,611.84	203.9	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	69.0	61,702.59	8.4	4.0	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	42.0	28,579.80	23.3	2.3	10.0%	2.3%
HPG	481.9	58.0	27,950.67	11.7	2.7	25.0%	10.7%
PVD	275.3	86.5	23,809.83	11.2	2.3	21.7%	9.8%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

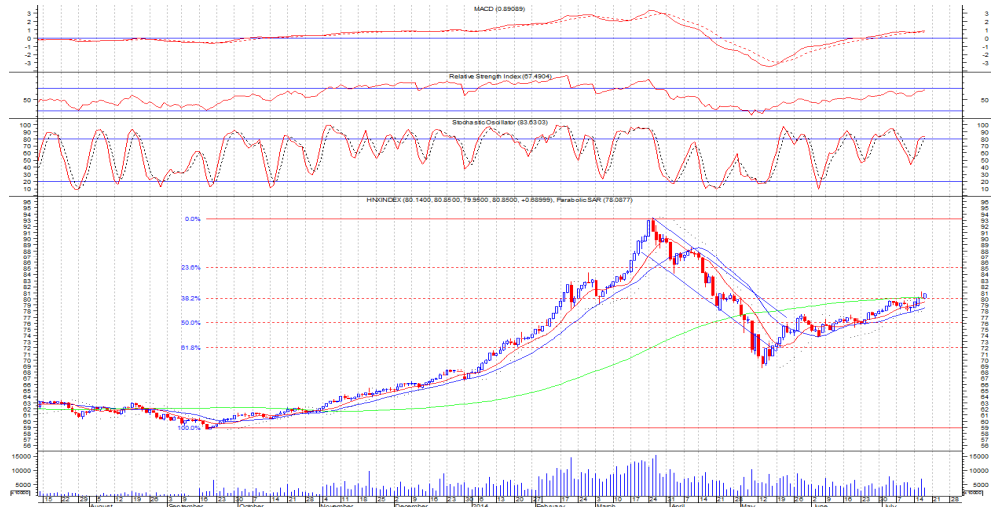
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.6	3,479.70	14.3	1.2	NA	TH.DOI
FPT	343.9	49.4	16,988.37	10.7	2.3	NA	TH.DOI
CII	112.9	21.9	2,471.67	16.4	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	73.0	3,319.93	8.7	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.6	704.70	5.2	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.4	535.63	1.9	0.9	NA	TH.DOI

**HNX** 17/07/2014 HNX-Index 80.85 0.69 0.86% 41,090,084 CP 541.04 bil. VND

### Tăng điểm nhẹ với sự sụt giảm của thanh khoản

Chỉ số HNX-Index tăng 0.69 điểm (+0.86%), đóng cửa tại mốc 80.85 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến vừa phải, HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi sâu vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng mạnh, cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn đang được củng cố.
- RSI (14) tăng mức 67.
- HNX-Index chinh phục thành công mức 80 điểm và đang tích lũy tại vùng này.



### HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0.1 (1.1%)	4,919,690
PVS	1.7 (5.3%)	3,835,350
PVX	0 (0.0%)	3,733,410
KLS	-0.1 (-0.8%)	2,478,450
KLF	-0.1 (-0.8%)	2,288,400

### HNX Top 5 theo % tăng

HDA	1.2 (10.0%)	48,150
PTI	1 (10.0%)	1,100
VDS	0.6 (9.8%)	296,000
BKC	0.9 (9.8%)	100
MAC	0.6 (9.7%)	200

### HNX Top 5 theo % giảm

PRC	-1.1 (-9.8%)	7,600
CAN	-3.2 (-9.7%)	100
SKS	-0.9 (-9.7%)	500
SMT	-2.2 (-9.6%)	1,600
SDE	-0.7 (-9.3%)	1,100

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	3,1 tỷ	95,700
VCG	2,2 tỷ	152,100
DBC	1,6 tỷ	70,000
AAA	0,7 tỷ	38,000
SDT	0,5 tỷ	30,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

HNM	-0,5 tỷ	50,500
SCR	-0,1 tỷ	10,000
PLC	0,0 tỷ	2,400
VCR	0,0 tỷ	13,900
PVB	0,0 tỷ	1,200

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	544,800	10.58

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch khá giằng co ở phiên sáng, áp lực chốt khá lớn. Đầu phiên chiều có thời điểm HNX-Index điều chỉnh mạnh, tuy nhiên lực cầu trở lại đã giúp HNX-Index xanh
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 38 triệu đơn vị. Đây là mức thanh khoản khá thấp, nó cho thấy NĐT vẫn chưa thực sự tin tưởng vào đà tăng của sàn này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 10 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ HNX-Index đã chinh phục thành công ngưỡng 80 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng HNX-Index sẽ tiếp tục tích lũy tốt ở vùng này.
- ▶ NĐT có thể gia tăng lượng hàng có sẵn, xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì. Với nhiều mã đã tăng trưởng tốt, NĐT có thể xem xét chốt lời.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	33.8	15,098.47	9.4	1.7	19.3%	6.2%
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
SQC	110.0	76.3	8,393.00	258.9	6.4	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.0	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	14.4	6,360.63	14.0	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	36.1	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.5	4,395.58	15.3	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	52.0	2,929.64	10.4	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	37.2	2,895.35	6.5	2.0	33.5%	17.5%
VNR	131.1	20.8	2,726.38	7.5	1.1	14.5%	7.0%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	32.2	1,223.60	7.8	1.4	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.6	388.08	7.4	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.5	1,599.45	11.5	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.0	2,929.64	10.4	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	22.1	1,105.00	12.8	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.0	307.12	6.2	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	13.73%	92.0	203.91	4.57	140,907	169,480	152,478
VIC	HOSE	894.2	61,702.59	13.68%	69.0	8.42	4.03	449,507	373,123	365,148
HPG	HOSE	481.9	27,950.67	13.62%	58.0	11.70	2.69	1,354,081	1,039,738	722,234
PVD	HOSE	275.3	23,809.83	9.64%	86.5	11.17	2.31	341,234	346,263	339,883
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	8.07%	25.4	14.96	1.37	2,929,100	2,697,651	2,755,550
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	7.65%	20.2	10.60	1.40	369,917	1,784,706	1,535,854
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.03	6.07%	25.9	15.79	1.58	292,632	486,105	556,871
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	5.32%	32.6	6.54	1.42	925,289	902,663	1,026,314
ITA	HOSE	718.0	5,959.45	3.07%	8.3	103.71	0.75	6,511,439	5,665,610	5,470,899
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	2.45%	42.0	23.31	2.29	166,793	195,861	332,237
KBC	HOSE	389.8	4,443.27	2.33%	11.4	26.47	0.88	1,490,027	1,457,626	973,178
HSG	HOSE	96.3	4,372.61	2.28%	45.4	10.92	1.93	163,343	131,092	142,192
GMD	HOSE	114.4	3,958.99	1.97%	34.6	129.13	0.88	121,555	173,047	269,509
VSH	HOSE	206.2	3,176.12	1.58%	15.4	14.97	1.20	734,027	665,758	470,453
PPC	HOSE	318.2	7,317.56	1.47%	23.0	7.88	1.27	552,906	409,009	429,043
CSM	HOSE	67.3	3,115.62	1.45%	46.3	8.41	2.40	666,924	583,375	410,654
DRC	HOSE	83.1	4,569.06	1.34%	55.0	11.72	3.06	287,828	311,305	215,799
HVG	HOSE	120.0	2,904.00	1.24%	24.2	14.83	1.23	393,293	573,985	527,906
PVT	HOSE	255.9	3,479.70	1.16%	13.6	14.30	1.20	1,480,154	1,783,192	996,763
DIG	HOSE	143.0	2,330.83	1.06%	16.3	43.51	0.98	192,842	160,651	233,857
OGC	HOSE	300.0	3,420.00	0.82%	11.4	50.33	1.07	1,279,744	1,374,028	1,675,963

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	7.67%	20.2	10.60	1.40	369,917	1,784,706	1,535,854
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	7.43%	92.0	203.91	4.57	140,907	169,480	152,478
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.03	7.31%	25.9	15.79	1.58	292,632	486,105	556,871
VIC	HOSE	894.2	61,702.59	6.29%	69.0	8.42	4.03	449,507	373,123	365,148
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	5.63%	32.6	6.54	1.42	925,289	902,663	1,026,314
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	5.63%	42.0	23.31	2.29	166,793	195,861	332,237
PVS	HNX	446.7	15,098.47	5.50%	33.8	9.43	1.68	2,540,549	2,671,960	2,089,566
PVD	HOSE	275.3	23,809.83	3.79%	86.5	11.17	2.31	341,234	346,263	339,883
ITA	HOSE	718.0	5,959.45	3.48%	8.3	103.71	0.75	6,511,439	5,665,610	5,470,899
SHB	HNX	886.1	8,063.36	3.36%	9.1	9.98	0.76	11,587,657	8,062,404	6,781,465
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	3.27%	25.4	14.96	1.37	2,929,100	2,697,651	2,755,550
VCG	HNX	441.7	6,360.63	3.21%	14.4	13.95	1.12	1,196,341	1,192,663	1,650,770
OGC	HOSE	300.0	3,420.00	2.07%	11.4	50.33	1.07	1,279,744	1,374,028	1,675,963
DRC	HOSE	83.1	4,569.06	1.52%	55.0	11.72	3.06	287,828	311,305	215,799
GMD	HOSE	114.4	3,958.99	1.49%	34.6	129.13	0.88	121,555	173,047	269,509
PPC	HOSE	318.2	7,317.56	1.32%	23.0	7.88	1.27	552,906	409,009	429,043
PVT	HOSE	255.9	3,479.70	1.16%	13.6	14.30	1.20	1,480,154	1,783,192	996,763
PVX	HNX	400.0	1,840.00	0.00%	4.6	- 0.82	2.30	6,583,380	5,899,793	7,298,504

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	61,702.59	0.00%	69.0	8.42	4.03	449,507	373,123	365,148
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	0.00%	92.0	203.91	4.57	140,907	169,480	152,478
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	0.00%	32.6	6.54	1.42	925,289	902,663	1,026,314
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	0.00%	25.4	14.96	1.37	2,929,100	2,697,651	2,755,550
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.03	0.00%	25.9	15.79	1.58	292,632	486,105	556,871
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	0.00%	20.2	10.60	1.40	369,917	1,784,706	1,535,854
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	0.00%	42.0	23.31	2.29	166,793	195,861	332,237
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.64	0.99	375,919	315,151	374,633
GAS	HOSE	1,895.0	208,450.00	0.00%	110.0	18.36	5.82	231,090	282,214	400,329

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	0.88%	92.0	203.91	4.57	140,907	169,480	152,478
VIC	HOSE	894.2	61,702.59	0.56%	69.0	8.42	4.03	449,507	373,123	365,148
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	0.31%	20.2	10.60	1.40	369,917	1,784,706	1,535,854
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.03	0.24%	25.9	15.79	1.58	292,632	486,105	556,871
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	0.15%	32.6	6.54	1.42	925,289	902,663	1,026,314
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	0.08%	42.0	23.31	2.29	166,793	195,861	332,237

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,902	5.7	0.8	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,549	7.0	1.5	20.9%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,822	23.7	0.8	2.7%	1.6%
Sản xuất giấy	804	8.3	0.8	10.6%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,238	21.2	2.3	18.5%	7.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,627	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,944	51.1	4.8	2.2%	1.5%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,631	19.2	1.4	11.4%	8.1%
Xây dựng	30,101	- 52.2	1.1	-4.1%	1.5%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,180	7.5	1.2	17.6%	9.3%
Công nghiệp phức hợp	876	4.7	1.0	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,655	10.1	1.0	8.1%	3.9%
Thiết bị điện	1,697	- 18.0	0.8	-0.2%	-1.0%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,528	6.6	1.4	21.4%	14.8%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,905	- 3.0	1.0	3.6%	0.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,343	14.1	1.5	15.2%	11.5%
Dịch vụ vận tải	6,299	8.9	1.5	18.0%	11.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,466	10.7	1.4	14.1%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	208	9.9	0.7	8.1%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	183	8.5	0.8	10.3%	4.5%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.5%	17.0%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,752	9.9	1.2	13.0%	7.5%
Lốp xe	8,117	9.8	2.7	29.1%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	2,138	6.7	1.1	16.0%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	363	13.5	2.2	18.4%	11.2%
Đồ uống & giải khát	249	7.1	1.3	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,764	9.7	1.3	14.5%	6.5%
Thực phẩm	201,988	23.1	4.8	21.9%	17.0%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	42.2	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,169	8.3	0.9	12.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	154	8.6	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,174	8.8	1.5	17.7%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,869	8.8	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	693	- 8.3	1.1	2.0%	4.8%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		920	16.5	1.0	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		138	3.4	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		169	8.0	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,968	12.4	3.1	25.8%	16.7%
<b>Bán lẻ</b>						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		327	42.8	1.0	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		661	12.5	1.0	12.5%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,243	9.0	1.3	14.5%	3.1%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,055	8.4	0.9	12.4%	8.2%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,655	35.4	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,265	28.5	1.5	15.5%	13.1%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,282	16.8	2.6	23.1%	19.4%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		607	24.1	0.8	3.2%	1.2%
Internet		400	84.4	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm		17,450	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		443	15.9	0.8	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		269	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		7,938	19.5	1.1	31.3%	10.8%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,411	-	5.4	1.2	-4.8%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		213,057	17.9	5.7	32.9%	22.1%
Nước		1,200	6.5	1.0	16.6%	10.9%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,163	5.2	0.8	15.6%	5.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,555	12.4	0.7	5.9%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,648	7.5	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		28,716	23.3	2.3	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,420	50.3	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		26,032	14.1	1.4	8.3%	6.2%
Ngân hàng						
Ngân hàng		245,179	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		139,129	11.9	2.6	27.7%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.7	5.5%	2.5%
<b>Dầu khí</b>						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		40,177	10.5	2.0	20.4%	8.3%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.